

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Lương thực thành Phố Hồ Chí Minh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Lương thực thành Phố Hồ Chí Minh

- Mã chứng khoán: FCS
- Địa chỉ: 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3967 2060 Fax: (028) 3967 2022
- Email: info@foodcosa.vn Website: www.foodcosa.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26/01/2024 tại đường dẫn: <https://foodcosa.vn/bao-cao-tai-chinh-nam-2023-kem-giai-trinh-ket-qua-sxkd/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Năm 2023
- Văn bản giải trình Kết quả SXKD năm 2023



Đại diện tổ chức
Người UQCBTT

Huỳnh Thị Phụng

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300559014 lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 18 ngày 04/04/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300559014 thay đổi lần thứ 18 ngày 04/04/2023 là: 294.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán FCS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Tâm	Thành viên
Ông Đoàn Quang Long	Thành viên
Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2023)
Bà Trần Thị Xuân Mai	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 25/4/2023)

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Thành Giao	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Đoàn Quang Long	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Xuân Mai	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Thị Phụng	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 24/4/2023) kiêm Kế toán trưởng
Bà Phan Thị Bích Tuyên	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 27/12/2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 24/4/2023 và miễn nhiệm từ ngày 27/6/2023)
Bà Đỗ Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/02/2023)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Đoàn Quang Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Số: 68/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 10/01/2024, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Trong năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án giảm vốn điều lệ (phần vốn Nhà nước) theo Nghị quyết số 02/NQLT-ĐHĐCĐ ngày 29/9/2017. Số vốn điều lệ điều chỉnh giảm là 39.362.000.000 VND (tương ứng giảm 3.936.200 cổ phần của Nhà nước) theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh, nhưng vẫn chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.4, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 50.949.542.503 VND. Công ty có lãi trong kỳ với số tiền 1.012.909.206 VND, Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 192.847.946.841 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.11, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31/12/2023, Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng 04 lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như nghĩa vụ phải nộp nhà nước trên chỉ tiêu "Tài sản cố định vô hình" và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" với số tiền là 561.416.855.000 VND theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị quyền sử dụng đất cũng như phương án sử dụng của các lô đất này có thể thay đổi sau khi có ý kiến chính thức của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.1, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chưa có quyết định chính thức về hình thức về việc giao đất hay cho thuê đất đối với lô đất 270 - 277 Trần Văn Kiểu, phường 3, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chưa có cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất để ghi nhận phân chênh lệch giá trị hỗ trợ đền bù, di dời lô đất.

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán ngày 20/02/2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Đàm Tuấn Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		38.715.238.578	26.899.576.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.106.835.374	9.875.580.044
1. Tiền	111		20.106.835.374	9.875.580.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.157.327.211	4.408.937.627
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.387.935.458	657.035.472
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	479.719.558	40.887.092
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.521.709.853	972.959.791
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	-	(29.907.070)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	2.767.962.342	2.767.962.342
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	8.788.449.069	10.929.230.864
1. Hàng tồn kho	141		8.788.449.069	11.073.095.234
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(143.864.370)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.662.626.924	1.685.828.150
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	209.544.490	185.958.369
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		186.164.081	196.015.381
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	1.266.918.353	1.303.854.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		681.492.950.662	691.350.451.975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		657.236.754.210	668.837.467.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	88.711.032.884	100.085.528.042
- Nguyên giá	222		613.362.401.571	621.485.631.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(524.651.368.687)	(521.400.103.315)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	568.525.721.326	568.751.939.014
- Nguyên giá	228		574.850.451.793	574.850.451.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.324.730.467)	(6.098.512.779)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
1. Nguyên giá	231		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.700.500	5.700.500
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	5.700.500	5.700.500
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.966.522.520	16.744.896.250
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	5.853.508.822	5.853.508.822
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	13.769.085.107	13.769.085.107
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(656.071.409)	(2.877.697.679)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.283.973.432	5.762.388.169
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	5.283.973.432	5.762.388.169
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		720.208.189.240	718.250.028.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		657.918.136.081	656.972.884.707
I. Nợ ngắn hạn	310		89.664.781.081	88.430.529.707
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	25.934.721.309	26.691.800.354
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3.550.000	38.720.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	654.888.878	171.945.353
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	25.512.382.571	24.967.955.109
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	1.480.000.000	673.242.425
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	35.176.638.323	34.984.266.466
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	900.000.000	900.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.600.000	2.600.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		568.253.355.000	568.542.355.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	568.253.355.000	568.542.355.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

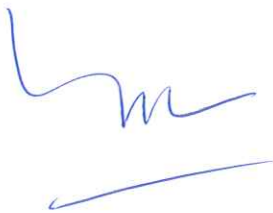
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		62.290.053.159	61.277.143.953
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	62.290.053.159	61.277.143.953
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.138.000.000	255.138.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.138.000.000	255.138.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(192.847.946.841)	(193.860.856.047)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(193.860.856.047)	(193.967.247.599)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.012.909.206	106.391.552
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		720.208.189.240	718.250.028.660

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



Phạm Thị Phương Lan

Kê toán trưởng



Huỳnh Thị Phương

Tổng Giám đốc



Đoàn Quang Long

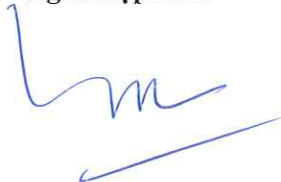
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	404.619.732.453	391.991.677.917
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		404.619.732.453	391.991.677.917
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	338.337.649.178	327.409.369.293
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		66.282.083.275	64.582.308.624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	54.961.993	38.749.172
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(638.627.566)	801.266.324
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.894.708.260	9.435.058.009
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	64.344.358.571	58.338.786.360
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.263.393.997)	(3.954.052.897)
{30 = 20+(21-22)-(25+26)}				
11. Thu nhập khác	31	6.6	5.552.314.190	4.205.393.663
12. Chi phí khác	32	6.6	276.010.987	144.949.214
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	5.276.303.203	4.060.444.449
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		1.012.909.206	106.391.552
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.012.909.206	106.391.552
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	40	4


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



Phạm Thị Phương Lan

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Phượng

Tổng Giám đốc



Đoàn Quang Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		443.997.353.284	433.491.308.420
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(394.910.755.509)	(366.873.864.080)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.901.016.823)	(13.296.660.811)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.042.737.715	6.834.742.983
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.966.024.483)	(52.733.022.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.262.294.184	7.422.503.864
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.968.710.732	35.800.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.968.710.732	35.800.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10.231.004.916	7.458.303.864
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.875.580.044	2.417.368.044
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>250.414</i>	<i>(91.864)</i>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	20.106.835.374	9.875.580.044

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



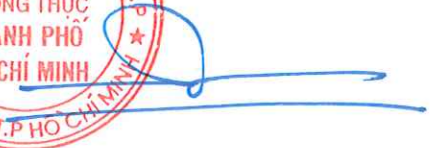
Phạm Thị Phương Lan

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Phượng

Tổng Giám đốc



Đoàn Quang Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh tiền thân là Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300559014 lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 18 ngày 04/04/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300559014 thay đổi lần thứ 18 ngày 04/04/2023 là: 294.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán FCS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 108 người (tại ngày 31/12/2022 là 117 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thực phẩm và công nghệ phẩm;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu; bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Và các ngành nghề khác theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực; siêu thị, khai thác hàng ký gửi.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	161 Trần Huy Liệu, phường 08, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn thực phẩm, đồ gia dụng	40,00%	40,00%	40,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

Stt	Tên Chi nhánh, Xí nghiệp	Địa chỉ
1.	Chi nhánh FoodcoMart Sài Gòn	Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 07, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
2.	Chi nhánh FoodcoMart Tây Ninh	Số 194, đường Tua Hai, khu phố 2, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
3.	Chi nhánh FoodcoMart Đăk Nông	Tổ dân phố 1, thị Trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông
4.	Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake	176 Nguyễn Hữu Trí, thị Trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
5.	Xí nghiệp Lương thực Cửu Long	736 Quốc lộ 91, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
6.	Xí nghiệp Lương thực Thới An	Số 1693, Quốc Lộ 91, phường Thuận An, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
7.	Xí nghiệp Lương thực Phúc Lộc	KV Phúc Lộc 3, phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
8.	Xí nghiệp Lương thực Thạnh An	Ấp Phụng Phụng, xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
9.	Xí nghiệp Lương thực Mỹ Thới	Khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
10.	Xí nghiệp Lương thực Tri Tôn	Ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho là lương thực: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là xăng dầu và hàng hóa công nghệ phẩm: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 55
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
TSCĐ khác	04 - 25

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được tạm ghi nhận theo giá trị đã được phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Giá trị Quyền sử dụng đất này có thể được thay đổi khi có ý kiến chính thức của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 10 năm.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền chuyển nhượng đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (548 tháng).

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01/09/2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: Trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng;
- Tiền lãi chậm trả: Trích trước theo số dư gốc phải trả và thời gian quá hạn thanh toán;
- Chi phí khác: Trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm gạo, hàng công nghệ phẩm, xăng dầu và doanh thu cung cấp dịch vụ,...

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gạo, công nghệ phẩm, xăng dầu và hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.297.752.000	454.231.000
Tiền gửi ngân hàng	18.809.083.374	9.421.349.044
Tổng	20.106.835.374	9.875.580.044

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Tỷ lệ Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết			5.853.508.822		(437.724.796)	
Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	40,00%	40,00%	5.853.508.822	(i)	(437.724.796)	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác			13.769.085.107		(218.346.613)	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đồng Thịnh	15,00%	15,00%	10.577.034.161	(i)	-	(i)
Công ty Cổ phần Bao bì Bình Tây	4,73%	4,73%	1.923.733.832	(i)	(218.346.613)	(i)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (ii)	0,04%	0,04%	1.268.317.114	1.411.905.600	-	1.445.522.400
Tổng			19.622.593.929		(656.071.409)	(2.877.697.679)

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	161 Trần Huy Liệu, phường 08, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn thực phẩm, đồ gia dụng	40,00%	40,00%	40,00%

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH POUYUEN Việt Nam	600.000.000	292.500.000
Công ty TNHH EREX Việt Nam	-	231.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Chất Việt	979.530.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Việt Quốc Tế	394.300.000	-
Hợp tác xã Vận tải Đức Công	245.429.208	-
Phải thu các đối tượng khác	168.676.250	133.535.472
Tổng	2.387.935.458	657.035.472

Trong đó:

*Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

-	55.193.853
---	------------

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng VAD	380.039.000	-
Các đối tượng khác	99.680.558	40.887.092
Tổng	479.719.558	40.887.092

5.5 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	26.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành (i)	2.230.226.626	-	720.226.626	-
Phải thu khác	291.483.227	-	226.733.165	-
Tổng	2.521.709.853	-	972.959.791	-

(i) Khoản phải thu tiền thuê đất tại mặt bằng số 400 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng hóa (i)		2.767.962.342		2.767.962.342
Tổng		2.767.962.342		2.767.962.342

(i) Hàng tồn kho thất thoát theo Biên bản kiểm kê ngày 19/01/2022 tại cửa hàng số 1060, Âu Cơ, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh - Foodcomart Sài Gòn. Ngày 14/02/2022, Công ty đã làm đơn tố giác tội phạm lên cơ quan có thẩm quyền về hành vi lạm dụng quyền hạn, tham ô biển thủ tài sản của các cá nhân có liên quan.

Ngày 05/01/2024, Công an Thành phố Hồ Chí Minh - Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi Công văn số 283/CSKT-Đ6 về việc yêu cầu Công ty cung cấp bổ sung hồ sơ, chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử có liên quan đến vụ việc đang xác minh điều tra vụ án. Đến nay, Cơ quan Công an vẫn đang tiếp tục điều tra thụ lý vụ việc.

5.7 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH TMDV Hoàng Dola	-	-	24.907.070	-
Bà Nguyễn Thị Xuân Trang	-	-	5.000.000	-
Tổng	-	-	29.907.070	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	732.396.913	-	2.429.317.666	(143.864.370)
Công cụ, dụng cụ	221.118.320	-	319.749.967	-
Thành phẩm	112.373.761	-	12.863.572	-
Hàng hóa	7.722.560.075	-	8.311.164.029	-
Tổng	8.788.449.069	-	11.073.095.234	(143.864.370)

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 143.864.370 VND. Do các nguyên liệu này đã xuất kho dùng cho sản xuất sản phẩm.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án xây dựng trạm xăng dầu Nguyễn Hữu Trí	5.700.500	5.700.500
Tổng	5.700.500	5.700.500

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	398.596.849.695	192.212.881.966	14.051.274.406	13.252.946.077	3.371.679.213	621.485.631.357
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	(1.603.937.539)	-	(5.686.387.247)	(832.905.000)	-	(8.123.229.786)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.686.387.247)	(832.905.000)	-	(6.519.292.247)
Giảm khác (i)	(1.603.937.539)	-	-	-	-	(1.603.937.539)
Số dư tại ngày 31/12/2023	396.992.912.156	192.212.881.966	8.364.887.159	12.420.041.077	3.371.679.213	613.362.401.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	321.436.880.308	170.108.819.526	14.051.274.406	12.861.237.346	2.941.891.729	521.400.103.315
Tăng trong năm	6.153.825.088	4.701.367.709	-	161.785.654	129.057.700	11.146.036.151
Khấu hao trong năm	6.153.825.088	4.701.367.709	-	161.785.654	129.057.700	11.146.036.151
Giảm trong năm	(1.375.478.532)	-	(5.686.387.247)	(832.905.000)	-	(7.894.770.779)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.686.387.247)	(832.905.000)	-	(6.519.292.247)
Giảm khác (i)	(1.375.478.532)	-	-	-	-	(1.375.478.532)
Số dư tại ngày 31/12/2023	326.215.226.864	174.810.187.235	8.364.887.159	12.190.118.000	3.070.949.429	524.651.368.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	77.159.969.387	22.104.062.440	-	391.708.731	429.787.484	100.085.528.042
Tại ngày 31/12/2023	70.777.685.292	17.402.694.731	-	229.923.077	300.729.784	88.711.032.884

Nguyên giá của các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 207.714.441.687 VND (tại ngày 31/12/2022 là 169.504.080.022 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

(i) Trong năm 2023, Công ty bàn giao lại các cơ sở nhà đất sau:

- Cơ sở nhà đất tại địa chỉ số 43C Tôn Thất Thuyết, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1750/QĐ-UBND-TH ngày 07/07/2021 của Ủy ban nhân dân quận 4 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi toàn bộ nhà đất do Công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng để thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng công viên cây xanh bờ Kênh Tê (giai đoạn 2) và theo Biên bản bàn giao đất và công trình gắn liền với đất trên thực địa ngày 11/01/2023 giữa Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.
- Cơ sở nhà đất tại địa chỉ số 224 và 228 đường Nguyễn Tất Thành phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 2329/QĐ-UBND-TH ngày 09/12/2020, Quyết định số 2330/QĐ-UBND-TH ngày 09/12/2020, Quyết định số 442/TB-UBND ngày 27/6/2017 và Quyết định số 443/TB-UBND ngày 27/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận 4 về việc thu toàn bộ diện tích đất theo Điều 62 Luật Đất đai 2013 tại địa chỉ số 224 và 228 đường Nguyễn Tất Thành phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng để thực hiện Dự án Xây dựng mới trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành và theo Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 29/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh và Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (i)	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	572.155.015.221	2.695.436.572	574.850.451.793
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>572.155.015.221</u>	<u>2.695.436.572</u>	<u>574.850.451.793</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	3.403.076.207	2.695.436.572	6.098.512.779
Tăng trong năm	226.217.688	-	226.217.688
Khấu hao trong năm	226.217.688	-	226.217.688
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>3.629.293.895</u>	<u>2.695.436.572</u>	<u>6.324.730.467</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	<u>568.751.939.014</u>	-	<u>568.751.939.014</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>568.525.721.326</u>	-	<u>568.525.721.326</u>

(i) Tại ngày 31/12/2023, trong số các lô đất tương ứng với quyền sử dụng đất là 572.155.015.221 VND, Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất của 04 lô đất theo giá trị đã được phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị Quyền sử dụng đất và phương án sử dụng đất của 04 lô đất này có thể thay đổi khi có ý kiến chính thức của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết 04 lô đất như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Địa chỉ khu đất	Diện tích (m²)	Nguyên giá tạm tính (VND)
Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	21.680	429.265.980.000
Số 400 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh (*)	13.983	119.323.400.000
Số 491/12 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	127	3.889.875.000
Số 175B Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	294	8.937.600.000
Tổng	36.084	561.416.855.000

(*) Ngày 12/3/2018, Bộ Tài chính có Văn bản số 323/QĐ-BTC về việc thu hồi cơ sở nhà đất số 400 Nguyễn Duy (cơ sở nhà đất 400 Nguyễn Duy có nguyên giá tạm xác định là: 119.323.400.000 đồng, nằm trong tổng số 04 lô đất với tổng nguyên giá tạm xác định 561.416.855.000 đồng). Ngày 17/9/2018, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có ý kiến bằng Văn bản số 4271/UBND-KT về phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 66/88 cơ sở nhà đất của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) trên địa bàn thành phố. Đến thời điểm ngày 31/12/2023 vẫn chưa có đầy đủ hồ sơ pháp lý, cũng như chưa tiến hành bàn giao nên chưa được ghi giảm. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh nội dung trên khi có đầy đủ các hồ sơ pháp lý.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 với giá trị là 2.635.436.572 VND (tại ngày 31/12/2022 là 2.695.436.572 VND).

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	209.544.490	185.958.369
Chi phí sửa chữa, cải tạo	56.673.347	20.236.116
Chi phí bảo hiểm	110.692.236	136.183.741
Chi phí bảo trì phần mềm	9.600.000	11.387.080
Cước phí Internet	-	1.416.670
Chi phí khác	8.891.407	15.491.507
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	23.687.500	1.243.255
Dài hạn	5.283.973.432	5.762.388.169
Chi phí sửa chữa, cải tạo	54.956.238	204.965.582
Chi phí bảo hiểm	17.333.330	-
Chi phí bảo trì phần mềm	26.774.998	-
Cước phí Internet	11.523.478	-
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (i)	4.683.134.139	4.811.803.503
Lợi thế kinh doanh (ii)	486.032.368	668.294.506
Chi phí khác	4.218.881	77.324.578
Tổng	5.493.517.922	5.948.346.538

(i) Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với tổng số tiền là 5,832 tỷ đồng, thời gian phân bổ là 548 tháng. Mục đích mở Chi nhánh Lương thực Tri Tôn để sản xuất lúa gạo. Năm 2023 là năm sử dụng thứ 12.

(ii) Lợi thế kinh doanh được Công ty ghi nhận theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Lợi thế kinh doanh được xác định là 1,822 tỷ đồng và được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ năm 2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614
Công ty Xăng dầu Khu vực II TNHH MTV - Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu	-	-	1.400.888.000	1.400.888.000
Các đối tượng khác	1.572.997.695	1.572.997.695	929.188.740	929.188.740
Tổng	25.934.721.309	25.934.721.309	26.691.800.354	26.691.800.354
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>24.361.723.614</i>	<i>24.361.723.614</i>	<i>24.361.723.614</i>	<i>24.361.723.614</i>
Trong đó:				
Nợ quá hạn chưa thanh toán				
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614
Tổng	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các đối tượng khác	3.550.000	38.720.000
Tổng	3.550.000	38.720.000

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	171.945.353	6.434.764.899	5.951.821.374	654.888.878
Thuế giá trị gia tăng	171.945.353	6.367.764.899	5.884.821.374	654.888.878
Các loại thuế khác	-	67.000.000	67.000.000	-
Phải thu	1.303.854.400	42.518.361.833	42.481.425.786	1.266.918.353
Thuế giá trị gia tăng	67.044.418	-	-	67.044.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	488.454.009	-	-	488.454.009
Thuế thu nhập cá nhân	744.182.893	37.266.358	330.311	707.246.846
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.173.080	42.481.095.475	42.481.095.475	4.173.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí thuê đất (i)	372.899.776	1.307.458.147
Chi phí thuê nhà quý 3/2015 tại 57 Nguyễn Thị Minh Khai (ii)	1.062.000.000	1.062.000.000
Tiền lãi về cổ phần hóa phải trả (iii)	10.466.444.992	14.177.369.193
Tiền lãi chậm thanh toán phải trả Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP (iv)	6.438.988.877	8.021.669.428
Các khoản khác	7.172.048.926	399.458.341
Tổng	25.512.382.571	24.967.955.109
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>16.905.433.869</i>	<i>22.199.038.621</i>

(i) Tiền thuê đất tại các địa điểm kinh doanh thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang được trích trước theo giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành tại Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014, quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 và Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020. Một số lô đất của Công ty chưa được Ủy ban nhân dân tái ký lại hợp đồng thuê đất nên chi phí tiền thuê đất đang trích trước được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(ii) Trích trước tiền thuê nhà tại số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh theo bản án phúc thẩm số 1046/2016/KDTM-PT của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/9/2016.

(iii) Lãi chậm nộp từ nguồn thu cổ phần hóa phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần theo Nghị quyết số 04/NQ-LT-HĐQT ngày 19/8/2020.

(iv) Lãi chậm trả tiền mua gạo phải trả Tổng Công ty Lương thực Miền nam - Công ty Cổ phần theo hợp đồng mua bán số 01/MB/2017 ngày 17/01/2017.

5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước tiền khai thác dịch vụ lưu trữ kho bãi	1.480.000.000	673.242.425
Tổng	1.480.000.000	673.242.425

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	35.176.638.323	34.984.266.466
Phải trả về cổ phần hóa (i)	17.222.929.928	17.222.929.928
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.237.398.862	10.066.083.296
Phải trả Bộ Tài chính tiền cấp kinh phí xây dựng cơ bản (ii)	7.553.170.410	7.553.170.410
Phải trả, phải nộp khác	163.139.123	142.082.832
Dài hạn	568.253.355.000	568.542.355.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.836.500.000	2.125.500.000
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác (iv)	561.416.855.000	561.416.855.000
Tổng	603.429.993.323	603.526.621.466
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	17.222.929.928	17.222.929.928
Trong đó:		
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ phải trả quá hạn thanh toán		
Ngắn hạn	17.222.929.928	17.222.929.928
Phải trả về cổ phần hóa (i)	17.222.929.928	17.222.929.928
Tổng	17.222.929.928	17.222.929.928

(i) Phải trả về cổ phần hóa phải nộp về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần (01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Tổng Công ty Lương thực Miền nam - Công ty Cổ phần). Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản nợ này đã quá hạn thanh toán.

(ii) Thuế giá trị gia tăng của tài sản đầu tư sử dụng nguồn vốn từ khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất (các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được ngân sách cấp vốn) còn phải nộp về Bộ Tài chính.

(iii) Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành là tiền hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 86/BTL - HĐKT - 2010 ngày 18/8/2010 về "Hợp tác kinh doanh xây dựng trung tâm thương mại- dịch vụ, văn phòng cho thuê và căn hộ tại số 400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty góp vốn bằng giá trị tài sản trên đất và lợi thế kinh doanh của mặt bằng 400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành góp toàn bộ vốn đầu tư để thực hiện dự án (dự kiến 992,9 tỷ VND). Công ty được phân chia một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán lợi nhuận cho Công ty thì Công ty CP Địa ốc Bến Thành được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ việc kinh doanh, khai thác của dự án. Đến ngày 12/3/2018, Bộ Tài chính đã có công văn số 323/QĐ-BTC về việc thu hồi và bàn giao cơ sở nhà đất 400 Nguyễn Duy về Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Ngày 17/9/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có ý kiến bằng văn bản số 4271/UBND-KT về phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 66/88 cơ sở nhà đất của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) trên địa bàn thành phố. Theo đó dự án tại 400 Nguyễn Duy sẽ bị thu hồi theo đề nghị của Bộ Tài chính. Tại ngày 31/12/2023, Công ty chưa hoàn thiện đủ hồ sơ pháp lý cũng như chưa tiến hành bàn giao lại mặt bằng tại địa điểm này cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Phải trả khác (Tiếp theo)

(iv) Đất giao có thu tiền sử dụng đất: Giá trị quyền sử dụng đất sau khi được tính theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014, Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019 được tạm tính tăng vào giá trị doanh nghiệp và tạm tăng nợ phải trả. Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.11.

5.19 Các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt	900.000.000	900.000.000	-	-	900.000.000	900.000.000
Tổng	900.000.000	900.000.000	-	-	900.000.000	900.000.000

(i) Vay ngắn hạn theo hợp đồng vay số 07/2013/HĐVT ngày 28/01/2013 và Phụ lục 09/2013/PL-HĐVT ngày 11/3/2013, tổng số tiền vay: 900.000.000 VND, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay: 0%, hình thức đảm bảo: vay tín chấp.

5.20 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	255.138.000.000	(193.967.247.599)	61.170.752.401
Lãi trong năm trước	-	106.391.552	106.391.552
Số dư tại ngày 31/12/2022	255.138.000.000	(193.860.856.047)	61.277.143.953
Số dư tại ngày 01/01/2023	255.138.000.000	(193.860.856.047)	61.277.143.953
Lãi trong năm nay	-	1.012.909.206	1.012.909.206
Số dư tại ngày 31/12/2023	255.138.000.000	(192.847.946.841)	62.290.053.159

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Lương thực Miền nam - CTCP	15.250.900	59,78%	152.509.000.000	15.250.900	59,78%	152.509.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Mộc	9.640.914	37,79%	96.409.140.000	-	0,00%	-
Công ty Cổ phần Đầu tư SFC	-	0,00%	-	9.913.814	38,86%	99.138.140.000
Các cổ đông khác	621.986	2,43%	6.219.860.000	349.086	1,36%	3.490.860.000
Tổng	25.513.800	100%	255.138.000.000	25.513.800	100%	255.138.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	255.138.000.000	255.138.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	255.138.000.000	255.138.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.513.800	25.513.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.450.000	29.450.000
Cổ phiếu phổ thông	28.899.000	28.899.000
Cổ phiếu ưu đãi	551.000	551.000
Số lượng cổ phiếu đang chờ thủ tục thu hồi (i)	3.936.200	3.936.200
Cổ phiếu phổ thông	3.936.200	3.936.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.513.800	25.513.800
Cổ phiếu phổ thông	24.962.800	24.962.800
Cổ phiếu ưu đãi	551.000	551.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

(i) Số lượng cổ phiếu được thu hồi tương ứng với số cổ phần của Nhà nước giảm theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét và thực hiện thủ tục thu hồi.

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a) Tài sản nhận giữ hộ**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các tài sản không cần dùng chờ thanh lý, bàn giao cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) theo Quyết định 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 "Về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần (01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Tổng Công ty Lương thực Miền nam - Công ty Cổ phần) do Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV phê duyệt. Cụ thể như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Máy móc thiết bị	41.804.306.894	41.541.017.678	263.289.216
Phương tiện vận tải	412.589.720	412.589.720	-
Thiết bị dụng cụ quản lý	1.157.761.629	1.157.581.788	179.841
Tổng	43.374.658.243	43.111.189.186	263.469.057

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán (Tiếp theo)

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	115.691.157.772	115.661.250.702
Tổng	115.691.157.772	115.661.250.702

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
EUR	149,31	159,91

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	348.304.596.212	335.251.252.668
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.315.136.241	56.740.425.249
Tổng	404.619.732.453	391.991.677.917

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

21.443.230.000	1.279.769.320
----------------	---------------

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	338.481.513.548	327.762.449.624
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(143.864.370)	(353.080.331)
Tổng	338.337.649.178	327.409.369.293

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.415.550	38.749.172
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	296.029	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	250.414	-
Tổng	54.961.993	38.749.172

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán	-	1.582.680.551
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	318.149	2.853.674
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(638.945.715)	(784.267.901)
Tổng	(638.627.566)	801.266.324

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng	6.894.708.260	9.435.058.009
Chi phí nhân viên	3.063.019.834	4.472.777.177
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	351.818.069	646.303.060
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	78.474.268	112.602.797
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.111.422.474	1.315.903.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.693.170.551	1.998.198.662
Chi phí bằng tiền khác	596.803.064	889.273.035
Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.344.358.571	58.338.786.360
Chi phí nhân viên quản lý	10.743.404.884	12.436.878.399
Chi phí vật liệu quản lý	298.965.161	404.425.715
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.404.816	243.958.115
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.109.313.299	11.542.523.459
Thuế phí và lệ phí	39.002.821.851	26.864.810.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.323.214.083	2.394.960.402
Chi phí bằng tiền khác	2.737.234.477	4.451.229.604
Tổng	71.239.066.831	67.773.844.369

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác	5.552.314.190	4.205.393.663
Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.804.892.550	32.545.454
Thưởng doanh số, hỗ trợ, trưng bày	1.936.955.834	3.836.105.390
Thu nhập khác	810.465.806	336.742.819
Chi phí khác	276.010.987	144.949.214
Chi phí khác	276.010.987	144.949.214
Lợi nhuận khác	5.276.303.203	4.060.444.449

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.809.682.008	8.584.194.078
Chi phí nhân công	13.989.599.088	17.024.980.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.372.253.839	12.908.499.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.144.286.417	4.443.231.988
Chi phí khác bằng tiền	42.336.859.392	32.205.313.305
Tổng	98.652.680.744	75.166.219.536

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.012.909.206	106.391.552
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm		
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>(1.769.138.665)</i>	-
<i>Khác</i>	<i>1.671.957.157</i>	
<i>Lỗi năm trước chuyển sang</i>	<i>(915.727.698)</i>	<i>(106.391.552)</i>
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng	-	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.012.909.206	106.391.552
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.012.909.206	106.391.552
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.513.800	25.513.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	40	4

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Các khoản cam kết

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh An Giang, thành phố Cần Thơ, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đắk Nông để sử dụng với mục đích làm nhà máy sản xuất, cửa hàng kinh doanh, siêu thị. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (Tiếp theo)**Về giá trị đền bù, hỗ trợ di dời khu đất số 270-277 Trần Văn Kiêu, phường 3, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.**

Theo Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh) đã bàn giao khu đất số 270-277 Trần Văn Kiêu, phường 3, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú để thực hiện đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại - dịch vụ - căn hộ. Việc bàn giao khu đất được các bên thực hiện theo Biên bản bàn giao nhận cơ sở nhà đất ngày 31/12/2015.

Để đảm bảo Công tác di dời tài sản trên đất, các bên bao gồm Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú và Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt đã cùng ký thỏa thuận số 02/2015/BBTT-VCR ngày 04/12/2015. Theo thỏa thuận, chi phí hỗ trợ di dời được xác định là 12,5% trên tổng giá trị quyền sử dụng đất. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất được xác định như sau:

- Nếu trường hợp Nhà nước giao đất thực hiện dự án thì giá trị quyền sử dụng đất là giá đất được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt để chuyển giao đất thực hiện dự án.
- Nếu trường hợp Nhà nước cho thuê đất thực hiện dự án thì giá trị quyền sử dụng đất là giá đất được các bên thuê tổ chức thẩm định giá định giá khu đất.

Trong cả 2 trường hợp trên, giá khu đất không được thấp hơn giá trị quyền sử dụng đất cùng loại theo Quyết định 51/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (24,9 triệu đồng/m²).

Ngày 31/12/2015, Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt chuyển cho Công ty 10,799 tỷ đồng và Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác trên Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2015 đối với khoản tiền nhận hỗ trợ di dời này, đồng thời ghi nhận chi phí di dời có liên quan. Phần chênh lệch còn lại sẽ được Công ty ghi nhận khi có quyết định chính thức từ Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hay cho thuê đất đối với lô đất nêu trên.

Về tiền thuê Văn phòng làm việc tại số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Từ ngày 30/9/2015 trở về trước, Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh tại số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh để đặt trụ sở chính làm văn phòng Công ty. Theo hợp đồng thuê nhà giữa hai bên và các phụ lục đính kèm hết hạn vào ngày 31/12/2014 thì giá thuê nhà cho đến khi hết hạn hợp đồng là 206 triệu đồng/tháng.

Ngày 12/8/2015, Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 1886/QLKDN-KD điều chỉnh giá thuê nhà từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 là 560 triệu đồng/tháng với lý do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thay đổi đơn giá thuê nhà theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 quy định về hệ số điều chỉnh giá thuê năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được yêu cầu phải thanh toán thêm phần chênh lệch giữa đơn giá cũ và đơn giá mới từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/9/2015 với tổng số tiền là 3,186 tỷ đồng.

Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh không đồng ý với giá thuê mới nên đã bị Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện ra tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2016/KDTM-ST ngày 22/4/2016 Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh theo đó Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh không phải thanh toán số tiền chênh lệch 3,168 tỷ đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (Tiếp theo)

Tại Bản án phúc thẩm số 1046/2016/KDTM-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh không phải thanh toán số tiền chênh lệch của quý 1 và quý 2 năm 2015, Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh chênh lệch giá thuê quý III/2015 với số tiền 1,062 tỷ đồng. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng Công ty đã hạch toán và ghi nhận đủ khoản chi phí này vào chi phí của năm 2016.

Không đồng ý với phán quyết này, ngày 01/10/2016, Công ty tiếp tục làm đơn đề nghị xem xét thủ tục Giám đốc thẩm số 149/LT-TCHC ngày 04/10/2016 với yêu cầu: Hủy bản án Phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được thông tin gì từ phía Tòa án nhân dân tối cao thành phố Hồ Chí Minh.

7.2 Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Đầu tư	Cổ đông lớn
3	Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	Công ty liên kết
4	Công ty Lương thực Bến Tre	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
5	Công ty Lương thực Sóc Trăng	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
6	Công ty Lương thực Thực Phẩm An Giang	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
7	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
8	Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
9	Công ty Bột mì Bình Đông	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
10	Công ty Lương thực Sông Hậu	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
11	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
12	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
13	Công ty Lương thực Bạc Liêu	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
14	Công ty Lương thực Vĩnh Long	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
15	Công ty Nông sản Thực Phẩm Tiền Giang	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
16	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
17	Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
18	Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	Cùng Công ty mẹ
19	Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	Cùng Công ty mẹ
20	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Cùng Công ty mẹ
21	Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Cùng Công ty mẹ
22	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Cùng Công ty mẹ
23	Công ty Cổ phần Tô Châu	Cùng Công ty mẹ
24	Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Cùng Công ty mẹ
25	Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Cùng Công ty mẹ
26	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
27	Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Cùng Công ty mẹ
28	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Cùng Công ty mẹ
29	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Quang Tâm	Thành viên HĐQT	36.000.000	18.000.000
Ông Trần Anh Vũ	Nguyên Thành viên HĐQT	-	108.000.000
Ông Đoàn Quang Long	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	325.575.000	229.250.000
Bà Đỗ Ngọc Nga	Nguyên Thành viên HĐQT Nguyên Phó Tổng Giám đốc	12.000.000	147.785.714
Bà Trần Thị Xuân Mai	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	292.162.500	242.250.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT Nguyên Phó Tổng Giám đốc	61.950.000	-
Bà Huỳnh Thị Phụng	Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng	254.100.000	217.750.000
Ông Lê Nguyễn Thanh Bình	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	77.625.000
Bà Trần Thị Đoàn Thu	Nguyên Trưởng ban kiểm soát	-	76.090.909
Ông Ngô Thành Giao	Trưởng ban kiểm soát	267.300.000	184.276.209
Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	12.000.000
Tổng		1.333.087.500	1.343.027.832

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng			22.501.476	1.206.918.269
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Cùng Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	95.852.899
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	22.501.476	22.065.370
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	1.089.000.000
Bán hàng			21.443.230.000	1.279.769.320
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Bán gạo	21.443.230.000	1.163.739.800
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	88.208.260
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	27.821.260

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Bản chất số dư</u>	<u>31/12/2023</u> VND	<u>01/01/2023</u> VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>			-	55.193.853
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Phải thu tiền bán gạo	-	55.193.853
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>			24.361.723.614	24.361.723.614
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua gạo	24.361.723.614	24.361.723.614
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>			16.905.433.869	22.199.038.621
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Lãi chậm nộp tiền phải trả cổ phần hóa	10.466.444.992	14.177.369.193
		Lãi chậm trả tiền mua gạo	6.438.988.877	8.021.669.428
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>			17.222.929.928	17.222.929.928
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Phải trả về cổ phần hóa	17.222.929.928	17.222.929.928

7.3 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

<u>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</u>	<u>Kinh doanh gạo</u>	<u>Kinh doanh hàng công nghệ phẩm</u>	<u>Kinh doanh xăng dầu</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng</u>
Tổng doanh thu	50.938.080.265	144.607.158.173	152.759.357.774	56.315.136.241	404.619.732.453
Giá vốn từng bộ phận	48.701.154.856	142.737.222.006	146.861.609.120	37.663.196	338.337.649.178
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	2.236.925.409	1.869.936.167	5.897.748.654	56.277.473.045	66.282.083.275

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

<u>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</u>	<u>Kinh doanh gạo</u>	<u>Kinh doanh hàng công nghệ phẩm</u>	<u>Kinh doanh xăng dầu</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng</u>
Tổng doanh thu	16.033.231.222	159.849.953.565	159.368.067.881	56.740.425.249	391.991.677.917
Giá vốn từng bộ phận	14.177.695.853	158.421.100.757	154.810.572.683	-	327.409.369.293
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1.855.535.369	1.428.852.808	4.557.495.198	56.740.425.249	64.582.308.624

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty có lãi từ hoạt động kinh doanh với số tiền 1.012.909.206 VND, tuy nhiên khoản lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2023 là 192.847.946.841 VND. Ngoài ra, tại thời điểm ngày 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 50.949.542.503 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện kế hoạch cơ cấu lại Công ty, tập trung vào những lĩnh vực mang lại hiệu quả, thanh lý các tài sản không cần dùng. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Phạm Thị Phương Lan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Phượng

Tổng Giám đốc



Đoàn Quang Long





Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC TP. HỒ CHÍ MINH**

Số: 38 /TCKT-LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

V/v: Giải trình kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần
Lương Thực TP. Hồ Chí Minh.

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về giải trình kết quả kinh doanh lãi trong báo cáo quyết toán năm 2023. Công ty Cổ phần Lương thực TP. Hồ Chí Minh kính báo về một số nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh Công ty lãi, cụ thể như sau:

1) Về tình hình chung

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn trong tình trạng thiếu hụt vốn lưu động, do đó Công ty đã tạm thời tạm dừng khai thác triệt để các nguồn lực hiện có và tạm dừng các nguồn thu tốt nhất trong ngắn hạn. Mặt khác, một trong những tình hình thực trạng khó khăn của Công ty là: đang phải gánh chịu khoản khấu hao; định phí lớn; chi phí người lao động ...

Với quyết tâm bám sát thực tế các chỉ tiêu kế hoạch đã đăng ký với chủ sở hữu và trình Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; vì vậy Ban điều hành Công ty đã tìm ra nhiều giải pháp khả thi để tiếp tục triển khai thực hiện, trong đó: đã đánh giá, phân loại một số giải pháp cấp bách cần phải thực hiện ngay và giải pháp trong thời gian tới nhằm mục tiêu phấn đấu phải đạt kết quả tối ưu nhất. Theo đó, từng đơn vị trực thuộc của Công ty đã tích cực trong hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ, gia công... Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng từng bước đi vào ổn định. Kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực và đã có lãi trong năm 2023.

2/ Về kết quả kinh doanh của Công ty năm 2023.

Theo báo cáo tài chính năm 2023 thì kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Lương Thực Tp. Hồ Chí Minh lãi: 1.012.909.206 đồng (so với kết quả kinh doanh năm 2022 lãi: 106.391.552 đồng, thì số tăng lãi là: 906.517.654 đồng).

3/ Về nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh lãi năm 2023.

Trong năm 2023, tình hình tài chính Công ty vẫn còn rất khó khăn, vốn lưu động vẫn luôn âm và chưa được sự hỗ trợ vốn từ tổ chức nào. Để thực hiện kế hoạch năm 2023, Công ty đã bám sát mục tiêu không chạy theo doanh thu mà tập trung vào hiệu quả kinh doanh của các mặt hàng (gạo, hàng công nghệ phẩm ...), hoạt động khai thác dịch vụ, gia công sản xuất đã bù đắp được chi phí. Nên kết quả kinh doanh (sau thuế TNDN) của Công ty năm 2023 lãi : 1.012.909.206 đồng.

Bên cạnh đó những giải pháp bộ máy tổ chức hoạt động và tài chính như định biên lại nhân sự; khoán quỹ lương cho các bộ phận và sắp xếp lại thang bảng lương theo năng suất lao động; điều chỉnh cắt giảm tối đa các khoản chi phí khác. Dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty năm 2023 có lãi và tăng lãi so với năm 2022 là 906.517.654 đồng, cụ thể là do tăng lãi gộp kinh doanh gạo (cung ứng 2000 tấn gạo cho Tổng Cty LTMN-CTy CP) và các mặt hàng khác : 906.517.654 đồng.

Tóm lại, với kết quả đạt được trong năm 2023 như hiện nay, Công ty đã rất cố gắng và nỗ lực thực hiện các giải pháp để nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh như: đẩy mạnh cũng cố mua bán các mặt hàng gạo, xăng dầu, công nghệ phẩm... mà công ty đang có nhiều lợi thế. Tiếp tục tăng cường tạm dừng khai thác dịch vụ, triệt để giảm chi phí, chống lãng phí. Và kết quả kinh doanh năm 2023 Công ty lãi 1.012.909.206 đồng, đây là năm Công ty có kết quả lãi cao nhất kể từ khi cổ phần hóa đến nay. Công ty sẽ cố gắng duy trì kết quả kinh doanh có lãi trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- P. CNTT&TT;
- Lưu: VT,TCKT (02b). Lan.



Đoàn Quang Long